**BÀI 6**

**O, o**

1. **MỤC TIÊU**

Giúp HS:

**1. Kiến thức**

- Nhận biết và đọc đúng âm o; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu có âm o và thanh hỏi; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

- Viết đúng chữ o và đấu hỏi; viết đúng các tiếng, từ ngữ có chữ o và dấu hỏi.

- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa âm o và thanh hỏi có trong bài học.

**2. Kỹ năng**

- Phát triển kỹ năng nói lời chào hỏi.

- Phát triển kỹ năng quan sát, nhận biết nhân vật, suy đoán nội dung tranh minh hoạ

(chào mẹ khi mẹ đón lúc tan học và chào ông, bà khi đi học vé).

**3. Thái độ**

- Cảm nhận được tỉnh cảm, mối quan hệ với mọi người trong gia đình.

1. **CHUẨN BỊ**

- GV cần nắm vững đặc điểm phát âm của âm o và thanh hỏi; cấu tao và cách viết chữ o và đấu hỏi; nghĩa của các từ ngữ trong bài học và cách giải thich nghĩa của những từ ngữ này.

1. **HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn và khởi động**  - HS hát chơi trò chơi  **2. Nhận biết**  - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi: Em thấy gì trong tranh?  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  - GV nói câu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh và HS nói theo.  - GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS dọc theo.  - GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thi dừng lại để HS đọc theo.  - GV và HS lặp lại nhận biết một số lần: Đàn bò, gặm cỏ.  - GV hướng dẫn HS nhận biết tiếng có âm o, thanh hỏi, giới thiệu chữ o, dấu hỏi.  **3. Đọc HS luyện đọc âm**  **a. Đọc âm**  - GV đưa chữ o lên bảng để giúp HS nhận biết chữ o trong bài học này.  - GV đọc mẫu âm o.  - GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đọc âm o, sau đó từng nhóm và cả lớp đọc đồng thanh một số lần.  **b. Đọc tiếng**  - GV đọc tiếng mẫu  - GV giới thiệu mô hình tiếng mẫu bò, cỏ (trong SHS). GV khuyến khích HS vận dụng mó hình tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng bỏ, cỏ.  -GV yêu cầu một số (4 5) HS đánh vần tiếng mẫu bà cỏ (bờ - bơ huyền bờ; cờ cơ hỏi cờ). Lớp đánh văn đồng thanh tiếng mẫu.  -GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đọc trơn tiếng mẫu. Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu.  - Đọc tiếng trong SHS  + Đọc tiếng chứa âm o ở nhóm thứ nhất •GV đưa các tiếng chứa âm o ở nhóm thứ nhất: bỏ, bó, bỏ, yêu cấu HS tìm điểm chung (cùng chứa âm o).  • Đánh vần tiếng: Một số HS đánh vấn tất cả các tiếng có cùng âm đang học.  • Một số (4 - 5) HS đọc trong các tiếng có cùng âm o đang học.  - Tương tự đọc tiếng chứa âm o ở nhóm thứ hai: cỏ, có, cỏ  -GV yêu cầu đọc trơn các tiếng chứa âm o đang học: Một số (3 4) HS đọc trơn, mỗi HS đọc trơn một dòng.  - GV yêu cầu HS đọc tất cả các tiếng.  \*Ghép chữ cái tạo tiếng  + HS tự tạo các tiếng có chứa o.  + GV yêu cầu 3- 4 HS phân tích tiếng, 2- 3 HS nêu lại cách ghép.  + Lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được.  **c. Đọc từ ngữ**  - GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ ngữ: bò, cỏ, cỏ. Sau khi đưa tranh minh hoạ cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn bỏ.  - GV nêu yêu cầu nói tên người trong tranh. GV cho từ bò xuất hiện dưới tranh.  - HS phân tích và đánh vần tiếng bò, đọc trơn từ bò.  - GV thực hiện các bước tương tự đối với cò, cỏ.  - HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 -4 lượt HS dọc. 2 - 3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lấn,  **d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ**  - Từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lán.  **4. Viết bảng**  - GV hướng dẫn HS chữ o.  - GV giới thiệu mẫu chữ viết thường ghi âm o, dấu hỏi và hướng dẫn HS quan sát.  - GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trinh và cách viết chữ o, dấu hỏi.  - HS nhận xét, đánh giá chữ viết của bạn.  - GV nhận xét, đánh giá chữ viết của HS.  - GV quan sát và sửa lỗi cho HS. | * Hs chơi   -HS trả lời  - HS nói theo.  - HS đọc  - HS đọc  - HS đọc  -Hs lắng nghe  -Hs lắng nghe  -Hs quan sát  -Hs lắng nghe  -Một số (4 5) HS đọc âm a, sau đó từng nhóm và cả lớp đồng thanh đọc một số lần.  -Hs lắng nghe  -Hs lắng nghe  -HS đánh vần tiếng mẫu bà cỏ (bờ - bơ huyền bờ; cờ cơ hỏi cờ). Lớp đánh văn đồng thanh tiếng mẫu.  - HS đọc trơn tiếng mẫu. Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu.  -HS tìm  -HS đánh vần  -HS đọc  -HS đọc  -HS đọc  -HS tự tạo  -HS trả lòi  -HS đọc  -Hs lắng nghe và quan sát  -Hs lắng nghe  -HS phân tích đánh vần  -HS đọc  -HS đọc  -HS lắng nghe  -HS lắng nghe  -HS lắng nghe, quan sát  - HS viết vào bảng con, chữ cỡ vừa (chú ý khoảng cách giữa các chữ trên một dòng).  -HS nhận xét  -HS quan sát |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **5. Viết vở**  - GV hướng dẫn HS tô chữ o HS tô chữ a (chữ viết thường, chữ cỡ vừa) vào vở Tập viết 1, tập một. Chú ý liên kết các nét trong chữ a.  - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.  - GV nhận xét và sửa bài của một số HS  **6. Đọc**  - HS đọc thầm cả câu; tìm các tiếng có âm o.  - GV đọc mẫu cả câu.  - GV giải thích nghĩa tử ngữ (nếu cần).  - HS đọc thành tiếng cả câu (theo cá nhân hoặc theo nhóm), sau đó cả lớp đọc đóng thanh theo GV.  - HS trả lời một số câu hỏi về nội dung đã đọc:  Tranh vẽ con gì?  Chúng đang làm gi?  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  **7. Nói theo tranh**  - GV yêu cầu HS quan sát từng tranh trong SHS.  - GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời:  Các em nhìn thấy những ai trong các bức tranh thứ nhất và thứ hai?  Em thủ đoán xe, khi mẹ đến đón, bạn HS nói gì với mẹ?  Khi đi học về, bạn ấy nói gi với ông bà  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  - GV yêu cầu HS thực hiện nhóm đôi, đóng vai 2 tình huống trên  - Đại diện một nhóm đóng vai trước cả lớp, GV và HS nhận xét.  **8. Củng cố**  - GV lưu ý HS ôn lại chữ ghi âm o.  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.  - Khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà: chào tạm biệt, chào khi gặp. | - HS tô chữ o (chữ viết thường, chữ cỡ vừa) vào vở Tập viết 1, tập một.  -HS viết  -HS nhận xét  - HS đọc thẩm a.  - HS lắng nghe.  - HS đọc  - HS quan sát.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS quan sát.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  -HS thực hiện  -HS đóng vai, nhận xét  -Hs lắng nghe |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**BÀI 7**

**Ô, ô**

1. **MỤC TIÊU**

Giúp HS:

**1.Kiến thức**

- Nhận biết và đọc đúng âm ở, đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu có âm ở và thanh nặng; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

- Viết đúng chữ ô và dấu nặng: viết đúng các tiếng, từ ngữ có chữ ổ và dấu nặng.

- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa âm ó và thanh nặng có trong bải học.

- Phát triển ngôn ngữ nói theo chủ điểm xe cộ (tranh vẽ xe đạp, xe máy, ô tô).

**2.Kỹ năng**

- Phát triển kỹ năng quan sát, nhận biết nhân vật bố Hà và Hà, suy đoán nội dung tranh minh hoạ về phương tiện giao thông.

**3. Thái độ**

- Cảm nhận được tình cảm gia đình.

1. **CHUẨN BỊ**

* GV cần nắm vững đặc điểm phát âm của âm ô
* GV cần nắm vũng cấu tạo và cách viết chữ ghi âm ô.

1. **HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn và khởi động**  - HS ôn lại chữ o. GV có thể cho HS chơi trò chơi nhận biết các nét tạo ra chữ o.  - HS viết chữ o  **2. Nhận biết**  - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi: Em thấy gì trong tranh?  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  - GV nói của thuyết minh (nhận biết) dưới tranh và HS nói theo.  -GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo. GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thi dừng lại để HS dọc theo.  GV và HS lặp lại câu nhận biết một số lần: Bố và Hài đi bộ trên phố. GV giúp HS nhận biết tiếng có âm ô và giới thiệu chữ ghi âm ô, thanh nặng.  **3. Đọc HS luyện đọc âm ô**  **a. Đọc âm**  - GV đưa chữ ô lên bảng để giúp HS nhận biết chữ ô trong bài học.  - GV đọc mẫu âm ô  - GV yêu cầu HS đọc.  **b. Đọc tiếng**  - Đọc tiếng trong SHS + Đọc tiếng chứa âm ô ở nhóm thứ nhất •GV đưa các tiếng chứa âm ở ở nhóm thứ nhất: bố, bổ, bộ yêu cầu HS tìm diểm chung cùng chứa âm ô).  • Đánh vần tiếng: Một số HS đánh vần tất cả các tiếng có cùng âm ô đang học.  • GV yêu cầu HS đọc trơn các tiếng có cùng àm ó dang học.  + Đọc tiếng chứa âm ô ở nhóm thứ hai: cô, cổ, cộ Quy trình tương tự với quy trình đọc tiếng chứa âm ô ở nhóm thứ nhất.  + Đọc trơn các tiếng chửa âm ô đang học: Một số (3 - 4) HS đọc trơn, mỗi HS đọc trơn một nhóm,  + GV yêu cầu HS đọc tất cả các tiếng.  Ghép chữ cái tạo tiếng  + GV yêu cầu HS tự tạo các tiếng có chứa ô.  + GV yêu cầu 3 4 HS phân tích tiếng, 2 - 3 HS nêu lại cách ghép.  + Lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được.  **c. Đọc từ ngữ**  - GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ ngữ: bố, cô bé, cổ cỏ  -Sau khi đưa tranh minh hoạ cho mỗi từ ngữ  GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh.  - GV cho từ bố xuất hiện dưới tranh.  - Yêu cầu HS phân tích và đánh vần tiếng bố, đọc trơn từ bố.  -GV thực hiện các bước tương tự đối với cô bé, cổ cỏ  - HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 4 lượt HS đọc.  - 3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.  **4. Viết bảng**  - GV đưa mẫu chữ ô và hướng dẫn HS quan sát.  - GV viết mẫu và nêu cách viết chữ ô.  - HS viết chữ ô (chú ý khoảng cách giữa các chữ trên một dòng).  - HS nhận xét, đánh giá chữ viết của bạn.  - GV nhận xét, đánh giá chữ viết của HS. GV quan sát sửa lỗi cho HS. | -Hs chơi  -HS viết  -Hs trả lời  -Hs trả lời  - HS nói theo.  - HS đọc  - HS đọc  -Hs quan sát  -Hs lắng nghe  -Một số (4 5) HS đọc âm b, sau đó từng nhóm và cả lớp đồng thanh đọc một số lần.  -Hs lắng nghe  -HS đánh vần  -HS đọc  -HS đọc  -HS đọc  -HS đọc  -HS ghép  -HS phân tích  -HS đọc  -HS quan sát  -HS nói  -HS quan sát  -HS phân tích và đánh vần  -HS đọc  -HS đọc  -Hs lắng nghe và quan sát  -Hs lắng nghe  -HS viết  -HS nhận xét  -Hs lắng nghe |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **5. Viết vở**  - GV hướng dẫn HS tô chữ b HS tô chữ ô (chữ viết thường, chữ cỡ vừa) vào vở Tập viết 1, tập một.  - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.  - GV nhận xét và sửa bài của một số HS  **6. Đọc**  - HS đọc thầm câu  - Tìm tiếng có âm ô  -GV đọc mẫu  - HS đọc thành tiếng sau đó cả lớp đọc đồng thanh theo GV  **7. Nói theo tranh**  - HS quan sát tranh trong SHS. GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời:  Em thấy gì trong tranh? (Có thể hỏi thêm: Kể tên những phương tiện giao thông mà em biết) 3 loại phương tiện trong tranh có điểm nào giống nhau và điểm nào khác nhau (có thể hỏi thêm: Em thích đi lại bằng phương tiện nào nhất? Vì sao?; lưu ý HS về ưu điểm và hạn chế của mỗi loại phương tiện)  - GV và HS thống nhất câu trả lới.  - Gv chia HS thành các nhóm trả lời dựa vào nội dung đã trả lời ở trên và có thể trao đổi thêm về phương tiện giao thông..  - Đại diện một nhóm thể hiện nội dung trước cả lớp, GV và HS nhận xét.  **8. Củng cố**  - GV lưu ý HS ôn lại chữ ghi âm ô.  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.  - Khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà: chào tạm biệt, chào khi gặp. | - HS tô chữ ô (chữ viết thường, chữ cỡ vừa) vào vở Tập viết 1, tập một.  -HS viết  -HS nhận xét  - HS đọc thẩm.  - Hs tìm  - HS lắng nghe.  - HS đọc  - HS quan sát.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  -HS thực hiện  -HS thể hiện, nhận xét  -Hs lắng nghe |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**LUYỆN VIẾT**

**LUYỆN VIẾT O, Ô**

**I. MỤC TIÊU:**

- Giúp HS củng cố về đọc viết các âm o,ô đã học.

**II. ĐỒ DÙNG:**

- Vở bài tập Tiếng Việt.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn đọc:**  - GV ghi bảng.  o, ô, bò, cô  - GV nhận xét, sửa phát âm.  **2. Viết:**  - Hướng dẫn viết vào vở ô ly.  o, ô, bò, cô. Mỗi chữ 3 dòng.  - Quan sát, nhắc nhở HS viết đúng.  **3. Chấm bài:**  - GV chấm vở của HS.  - Nhận xét, sửa lỗi cho HS.  **4. Củng cố - dặn dò:**  - GV hệ thống kiến thức đã học.  - Dặn HS luyện viết lại bài ở nhà. | - HS đọc: cá nhân, nhóm, lớp.  - HS viết vở ô ly.  - Dãy bàn 1 nộp vở. |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**BÀI 8**

**D, d, Đ, đ**

1. **MỤC TIÊU**

Giúp HS:

**1.Kiến thức**

- Nhận biết và đọc đúng các âm d, đ; đọc dùng các tiếng, từ ngữ, câu có d, đ; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

- Viết đúng các chữ d, đ (kiểu chữ thường); viết đúng các tiếng, từ ngữ có chứa d, đ,

- Phát triển vốn từ dựa trên những tử ngữ chứa các âm d, đ có trong bài học. Phát triển kĩ năng nói lời chào hỏi. Phát triển kĩ năng nói theo chủ điểm chào hỏi được gợi ý trong tranh.

**2.Kỹ năng**

- Phát triển kỹ năng nhận biết nhân vật khách đến nhà chơi hoặc bạn của bố mẹ và suy đoán nội dung tranh minh hoạ, biết nói lời chảo khi gặp người quen của bố mẹ và gia đình.

**3. Thái độ**

- Cảm nhận được tinh cảm, mói quan hệ với mọi người trong xã hội.

1. **CHUẨN BỊ**

- Nắm vững đặc điểm phát âm của âm d, đ; cấu tạo, quy trình và cách viết chữ; nghĩa của các từ ngữ trong bài học và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này.

- Chú ý sự khác biệt của những từ ngữ dùng ở mỗi phương ngữ: đá dế (phương ngữ Trung và Nam) và chọi dế (phương ngữ Bắc Bộ).

- Hiểu về một số trò chơi + Dung dăng dung dẻ: Một trò chơi dân gian khá phổ biến. Cách chơi: 5 – 6 bạn nhỏ nắm tay nhau, đi hâng ngang trên một không gian rộng (sân chơi), vừa đi vừa dung dưa ra phía trước lối ra sau theo nhịp bài đồng dao Dung dăng dung dẻ. Đến câu cuối “Ngói sập xuống đây thì tất cả cùng ngói xóm một lát, rối đứng dậy vừa đi vừa hát tiếp.

+ Đá dế: Còn được gọi là chọi dế. Đây là một trò thi dấu giữa hai con dế đực (dế chọi) với nhau. Dễ chọi nhỏ hơn dễ thường và có thản đen bóng hoặc nàu sẵm, dấu cánh có một chấm vàng (còn gọi là dế trũi hoặc dế dũi).

1. **HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn và khởi động**  - HS ôn lại chữ ô. GV có thể cho HS chơi trò chơi nhận biết các nét tạo ra chữ ô.  - HS viết chữ ô  **2. Nhận biết**  - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  - GV nói câu thuyết minh (nhận biết dưới tranh và HS nói theo.  - GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo.  GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS dọc theo. GV và HS lặp lại câu nhận biết một số lần: Dưới gốc đa, các bạn chơi dung dăng dung dẻ.  - GV hướng dẫn HS nhận biết tiếng có âm d, đ, giới thiệu chữ ghi âm d, đ,  **3. Đọc HS luyện đọc âm**  **a. Đọc âm**  - GV đưa chữ d lên bảng để giúp HS nhận biết chữ d trong bài học.  - GV đọc mẫu âm d.  -GV yêu cầu HS đọc âm , sau đó từng nhóm và cả lớp đồng thanh đọc một số lần.  -Tương tự với chữ d  **b. Đọc tiếng**  - Đọc tiếng mẫu + GV giới thiệu mô hình tiếng mẫu (trong SHS): dẻ, đa.  GV khuyến khích HS vận dụng mô hình các tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng dẻ, đa.  + GV yêu cầu HS đánh vần tiếng mẫu dẻ, đa.  - Lớp đánh vần đồng thanh tiếng mẫu.  + GV yêu cầu HS đọc trơn tiếng mẫu. Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu.  - Đọc tiếng trong SHS + Đọc tiếng chứa a âm d  •GV đưa các tiếng da, dẻ, dế, yêu cầu HS tìm điểm chung củng chứa ảm d).  • Đánh vấn tiếng: GV yêu cầu HS đánh vần tất cả các tiếng có cùng âm d.  • GV yêu cầu đọc trơn các tiếng có cùng âm d.  + Đọc tiếng chứa âm đ Quy trình tương tự với quy trình đọc tiếng chứa âm d.  + Đọc trơn các tiếng chứa các âm d, đ đang học: Một số (3 4) HS đọc trơn, mỗi HS đọc trơn 3- 4 tiếng có cà hai âm d, d.  + HS đọc tất cả các tiếng.  - Ghép chữ cái tạo tiếng  + HS tự tạo các tiếng có chứa d, d.  + GV yêu cầu 3 4 HS phân tích tiếng, 2 - 3 HS nêu lại cách ghép.  + Lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được.  **c. Đọc từ ngữ**  - GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ đá dế, đa đa, ô đỏ. Sau khi đưa tranh minh hoạ cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn ca  - GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh, - GV cho từ đá dế xuất hiện dưới tranh  - GV yêu cầu HS phân tích và đánh vần đá dế, đọc trơn tử đá dế. GV thực hiện các bước tương tự đối với đa đa, ô đỏ  - GV yêu cầu HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 4 lượt HS đọc, 2 3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.  **d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ**  Từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần.  **4. Viết bảng**  - GV đưa mẫu chữ d,đ và hướng dẫn HS quan sát.  - GV viết mẫu và nêu cách viết chữ d, đ.  - HS viết chữ d, đ (chữ cỡ vừa) vào bảng con. Chú ý khoảng cách giữa các chữ trên một dòng  - HS nhận xét, đánh giá chữ viết của bạn.  - GV nhận xét, đánh giá chữ viết của HS. GV quan sát sửa lỗi cho HS. | -Hs chơi  -HS viết  -Hs trả lời  -Hs trả lời  - HS nói theo.  - HS đọc  - HS đọc  -Hs lắng nghe  -Hs quan sát  -Hs lắng nghe  -Một số (4 5) HS đọc âm d, sau đó từng nhóm và cả lớp đồng thanh đọc một số lần.  -Hs lắng nghe  -Hs lắng nghe  - Một số (4 5) HS đánh vần tiếng mẫu dẻ, đa.  - HS đánh vần  - Một số (4 - 5) HS đọc trơn tiếng mẫu. Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu.  -HS đọc  -HS quan sát  - HS đánh vần tất cả các tiếng có cùng âm d.  -HS đọc  -HS đọc  -HS đọc  -HS đọc  -HS tự tạo  -HS phân tích và đánh vần  -HS đọc  -HS quan sát  -HS nói  -HS quan sát  -HS phân tích đánh vần  -HS đọc  -HS đọc  -Hs lắng nghe và quan sát  -Hs lắng nghe  -HS viết  -HS nhận xét  -Hs lắng nghe |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **5. Viết vở**  - GV hướng dẫn HS tô chữ b HS tô chữ d, đ (chữ viết thường, chữ cỡ vừa) vào vở Tập viết 1, tập một.  - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.  - GV nhận xét và sửa bài của một số HS  **6. Đọc**  - HS đọc thầm  - Tìm tiếng có âm d, đ  -GV đọc mẫu  - HS đọc thành tiếng câu (theo cả nhân và nhóm), sau đó cả lớp đọc đồng thanh theo GV  - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi:  Tranh vẽ ai?  Tay bạn ấy cấm cái gi?  Lưng bạn ấy đeo cái gì?  Bạn ấy đang đi đâu?  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  **7. Nói theo tranh**  - HS quan sát tranh trong SHS. GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời:  Em nhìn thấy gì trong tranh?  - GV giới thiệu nội dung tranh: Có hai bức tranh với hai tình huống khác nhau nhưng nội dung đều hướng đến việc rèn luyện kỹ năng nói lời chào: Chào khách đến chơi nhà và cho chủ nhà khi đến chơi nhà ai đó.  - Gv chia HS thành các nhóm, dựa theo tranh.  - Đại diện một nhóm thể hiện nội dung trước cả lớp, GV và HS nhận xét.  **8. Củng cố**  - GV lưu ý HS ôn lại chữ ghi âm d, đ.  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.  - Khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà: chào tạm biệt, chào khi gặp. | - HS tô chữ d,đ (chữ viết thường, chữ cỡ vừa) vào vở Tập viết 1, tập một.  -HS viết  -HS nhận xét  - HS đọc thầm.  - Hs tìm  - HS lắng nghe.  - HS đọc  - HS quan sát.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS quan sát.  - HS trả lời.  -HS lắng nghe  -HS thực hiện  -HS thể hiện, nhận xét  -Hs lắng nghe |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**BÀI 9**

**Ơ, ơ**

1. **MỤC TIÊU**

Giúp HS:

**1.Kiến thức**

- Nhận biết và đọc đúng âm ơ thanh ngã; đọc đúng các tiếng, từ ngũ, câu có âm ơ,

thanh ngã; hiểu và trả lời được các cầu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

- Viết đúng chữ ơ và dấu ngã (kiểu chữ thường); viết đúng các tiếng, từ ngữ cỡ chữ, dấu ngã.

- Phát triển vốn từ dựa trên những tử ngũ chửa âm ơ và thanh ngã có trong bài học.

- Phát triển vốn từ về phương tiện giao thông.

**2.Kỹ năng**

- Phát triển kỹ năng quan sát, nhận biết nhân vật và suy đoán nội dung tranh minh hoạ về Tàu dỡ hàng ở cảng; Bố đỡ bé; Phương tiện giao thông.

**3. Thái độ**

**-** Thêm yêu thích môn học

1. **CHUẨN BỊ**

- Nắm vững đặc điểm phát âm của âm d, thanh ngã; cấu và cách viết các chữ ghi âm ở, dấu ngã; nghĩa của các từ ngữ trong bài học và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này. Chủ ý nghĩa của những từ ngữ khó hoặc dễ nhầm lẫn.

- GV hiểu về các phương tiện giao thông.

1. **HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn và khởi động**  - HS ôn lại chữ d,đ. GV có thể cho HS chơi trò chơi nhận biết các nét tạo ra chữ c.  - HS viết chữ d,đ  **2. Nhận biết**  - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi:  Em thấy gì trong tranh?  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  - GV nói câu thuyết minh (nhận biết dưới tranh và HS nói theo.  - GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo.  GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS dọc theo. GV và HS lặp lại câu nhận biết một số lần: Tàu dỡ hàng ở cảng  - GV hướng dẫn HS nhận biết tiếng có âm ơ thanh ngã; giới thiệu chữ ghi âm ơ, dấu ngã.  **3. Đọc HS luyện đọc âm**  **a. Đọc âm**  - GV đưa chữ c lên bảng để giúp HS nhận biết chữ ơ trong bài học.  - GV đọc mẫu âm ơ.  -GV yêu cầu HS đọc âm ơ sau đó từng nhóm và cả lớp đồng thanh đọc một số lần.  **b. Đọc tiếng**  - Đọc tiếng mẫu + GV giới thiệu mô hình tiếng mẫu (trong SHS): bờ, dỡ  GV khuyến khích HS vận dụng mô hình các tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng bờ, dỡ.  + GV yêu cầu HS đánh vần tiếng mẫu bờ, dỡ  - Lớp đánh văn đồng thanh tiếng mẫu.  + GV yêu cầu HS đọc trơn tiếng mẫu. Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu.  - Ghép chữ cái tạo tiếng : HS tự tạo các tiếng có chứa ơ  - GV yêu cầu 3 -4 HS phân tích tiếng. 2- 3 HS nêu lại cách ghép.  **c. Đọc từ ngữ**  - GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ bờ đê, cá cờ, đỡ bé. Sau khi đưa tranh minh hoạ cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn ca  - GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh, - GV cho từ bè xuất hiện dưới tranh  - GV yêu cầu HS phân tích và đánh vần tiếng bờ đê, đọc trơn từ bờ đê. GV thực hiện các bước tương tự đối với cá cờ, đỡ bé.  - GV yêu cầu HS đọc trơn nổi tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 4 lượt HS đọc, 2 3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lắn.  **d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ**  Từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần.  **4. Viết bảng**  - GV đưa mẫu chữ ơ và hướng dẫn HS quan sát.  - GV viết mẫu và nêu cách viết chữ ơ.  - HS viết chữ ơ  - HS nhận xét, đánh giá chữ viết của bạn.  - GV nhận xét, đánh giá chữ viết của HS. GV quan sát sửa lỗi cho HS. | -Hs chơi  -HS viết  -Hs trả lời  -Hs trả lời  -Hs trả lời  - HS nói theo.  - HS đọc  - HS đọc  -Hs lắng nghe  -Hs quan sát  -Hs lắng nghe  -Một số (4 5) HS đọc âm ơ sau đó từng nhóm và cả lớp đồng thanh đọc một số lần.  -Hs lắng nghe  -Hs lắng nghe  - Một số (4 5) HS đánh vần tiếng mẫu bờ, dỡ  - HS đánh vần  - Một số (4 - 5) HS đọc trơn tiếng mẫu. Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu.  -HS tự tạo  -HS phân tích  -HS quan sát  -HS nói  -HS quan sát  -HS phân tích và đánh vần  -HS đọc  -HS đọc  -Hs lắng nghe và quan sát  -Hs lắng nghe  -HS viết  -HS nhận xét  -Hs lắng nghe |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **5. Viết vở**  - GV hướng dẫn HS tô chữ b HS tô chữ (chữ viết thường, chữ cỡ vừa) vào vở Tập viết 1, tập một.  - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.  - GV nhận xét và sửa bài của một số HS  **6. Đọc**  - HS đọc thầm  - Tìm tiếng có âm ơ  -GV đọc mẫu  - HS đọc thành tiếng (theo cả nhân và nhóm), sau đó cả lớp đọc đồng thanh theo GV  - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi:  Bố đỡ ai?  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  **7. Nói theo tranh**  - HS quan sát tranh trong SHS. GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời:  Kể tên các phương tiện giao thông trong tranh?  Qua quan sát, em thấy những phương tiện giao thông này có gì khác nhau? (GV: Khác nhau về hình dáng, màu sắc,... nhưng quan trọng nhất là: Máy bay di chuyển (bay) trên trời; ó tô di chuyển (chạy, đi lại) trên đường; tàu thuyết di chuyển (chạy, đi lại trên mặt nước)  Trong số các phương tiện này, em thích đi lại bằng phương tiện nào nhất? Vì sao?  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  - Gv chia HS thành các nhóm, dựa theo tranh.  - Đại diện một nhóm thể hiện nội dung trước cả lớp, GV và HS nhận xét.  **8. Củng cố**  - GV lưu ý HS ôn lại chữ ghi âm ơ.  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.  - Khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà: chào tạm biệt, chào khi gặp. | - HS tô chữ (chữ viết thường, chữ cỡ vừa) vào vở Tập viết 1, tập một.  -HS viết  -HS nhận xét  - HS đọc thầm.  - Hs tìm  - HS lắng nghe.  - HS đọc  - HS quan sát.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS quan sát.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  -HS lắng nghe  -HS thực hiện  -HS thể hiện, nhận xét  -Hs lắng nghe |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**LUYỆN VIẾT**

**LUYỆN VIẾT Ơ, D, Đ**

**I. MỤC TIÊU:**

- Giúp HS củng cố về đọc viết các âm ơ, d,đ đã học.

**II. ĐỒ DÙNG:**

- Vở bài tập Tiếng Việt.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn đọc:**  - GV ghi bảng.  ơ, d,đ , dỡ, dế  - GV nhận xét, sửa phát âm.  **2. Viết:**  - Hướng dẫn viết vào vở ô ly.  ơ, d,đ , dỡ, dế. Mỗi chữ 2 dòng.  - Quan sát, nhắc nhở HS viết đúng.  **3. Chấm bài:**  - GV chấm vở của HS.  - Nhận xét, sửa lỗi cho HS.  **4. Củng cố - dặn dò:**  - GV hệ thống kiến thức đã học.  - Dặn HS luyện viết lại bài ở nhà. | - HS đọc: cá nhân, nhóm, lớp.  - HS viết vở ô ly.  - Dãy bàn 1 nộp vở. |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**BÀI 10**

**ÔN TẬP VÀ KỂ CHUYỆN**

1. **MỤC TIÊU**

Giúp HS:

**1.Kiến thức**

- Nắm vững cách đọc các âm o, ô, ơ,đ, d; cách đọc các tiếng, từ ngữ, câu có các âm o, ô, ơ,đ, d, thanh hỏi, thanh ngã, thanh nặng hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

**2.Kỹ năng**

- Phát triển kỹ năng viết thông qua viết từ ngữ chứa một số âm chữ đã học.

- Phát triển kỹ năng nghe và nói thông qua hoạt động nghe kể câu chuyện Đàn kiến con ngoan ngoãn, trả lời câu hỏi về những gì đã nghe và kế lại câu chuyện.

**3. Thái độ**

**-** Qua câu chuyện, HS cũng được bối dưỡng ý thức quan tâm, giúp đỡ người khác.

**II.** **CHUẨN BỊ**

- Nắm vững đặc điểm phát âm của âm o, ô, ơ,đ, d, thanh hỏi, thanh ngã, thanh nặng;

cấu tạo và cách viết các chữ ghi âm o, ô, ơ,đ, d, dấu hỏi, dấu nặng, dấu ngã; nghĩa của các từ ngữ trong bài học và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này. Chú ý nghĩa của những từ ngữ khó hoặc dễ nhầm lẫn.

- Những lỗi về chữ viết dễ mắc do phát âm phương ngữ

**III.** **HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn và khởi động**  - HS viết chữ o, ô, ơ,đ, d  **2. Đọc âm, tiếng, từ ngữ**  **a. Đọc tiếng:**  - GV yêu cầu HS ghép âm đấu với nguyên âm để tạo thành tiếng (theo mẫu) và đọc to  tiếng được tạo ra: theo cá nhân, theo nhóm và đồng thanh cả lớp.  - Sau khi đọc tiếng có thanh ngang, GV có thể cho HS bổ sung các thanh điệu khác nhau để tạo thành những tiếng khác nhau và đọc to những tiếng đó.  **b. Đọc từ ngữ:**  - GV yêu cầu HS đọc thành tiếng cá nhân, nhóm), đọc đóng thanh (cả lớp). Lưu ý: GV cũng có thể tổ chức hoạt động dạy học ở mục 2 này bằng cách tổ chức trò chơi phù hợp với HS. Tuy nhiên, cần đảm bảo yếu tố thời gian của tiết học.  **3. Đọc câu**  Câu 1: Bờ đê có dế.  - HS đọc thầm cả câu, tỉm tiếng có chứa các âm đã học trong tuần.  GV giải thích nghĩa của từ ngữ (nếu cần).  - GV đọc mẫu.  - HS đọc thành tiếng cả câu (theo cá nhân hoặc theo nhóm), sau đó cả lớp đọc đóng thanh theo GV.  Câu 2: Bà có đỗ đỏ.  Thực hiện các hoạt động tương tự như đọc câu 1.  **4. Viết**  - GV hướng dẫn HS viết vào Tập viết 1, tập một từ đỗ đỏ trên một dòng kẻ. Số lần lặp lại tuỳ thuộc vào thời gian cho phép và tốc độ viết của HS.  - GV lưu ý HS cách nối nét giữa các chữ cái.  - GV quan sát, nhận xét và sửa lỗi cho HS. | -Hs viết  -Hs ghép và đọc  -Hs trả lời  - HS đọc  - HS đọc  - HS đọc  -Hs lắng nghe  -Hs lắng nghe  -Một số (4 5) HS đọc sau đó từng nhóm và cả lớp đồng thanh đọc một số lần.  -Hs lắng nghe  -HS viết  -HS nhận xét  -Hs lắng nghe |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **5. Kể chuyện**  a. Văn bản  ĐÀN KIẾN CON NGOAN NGOÃN  Bà kiến đã già, một mình ở trong cải tổ nhỏ chật hẹp, ẩm ướt, Máy hôm nay bà đau ốm cứ rên hừ hừ.  Đàn kiến con đi ngang qua, thấy vậy bên giúp đỡ bà. Chúng tha về một chiếc lá đa vàng mỗi rụng, diu bà ngói trên đó, rối lại cùng ghé vai khiêng chiếc lá đến chỗ đẩy ảnh năng và thoảng mát. Rối chúng chia nhau đi tìm nhà mới cho bà kiến. Cả đàn xúm vào khiêng chiếc lá, đưa bà kiến lên một ụ đất cao ráo.  Bà kiếm được ở nhả mới, sung sướng quá, nói với đàn kiến con: "Nhờ các cháu giúp đỡ, bà được đi tắm năng, lại được ở nhà mới cao ráo, đẹp đề. Bà thảy khoẻ hơn nhiều lắm rồi,Các cháu ngoan lắm! Bà cảm ơn câc cháu thật nhiều!".  **b. GV kể chuyện, đặt câu hỏi và HS trả lời**  Lần 1: GV kể toàn bộ câu chuyện.  Lần 2: GV kể từng đoạn và đặt câu hỏi. HS trả lời.  - Đoạn 1: Từ đấu đến rên hừ hừ, GV hỏi HS:  1. Bà kiến sống ở đâu?  2. Sức khoẻ của bà kiến thế nào?  Đoạn 2: Từ Đàn kiến con đi ngang qua đến ụ đất cao ráo. GV hỏi HS:  3. Đàn kiến con dùng vật gì để khiêng bà kiến:  4. Đàn kiến con đưa bà kiến đi đâu?  Đoạn 3: Tiếp theo cho đến hết. GV hỏi HS:  5. Được ở nhà mới, bà kiến nói gì với đàn kiến con?  GV có thể tạo điều kiện cho HS được trao đổi nhóm để tìm ra câu trả lời phủ hợp với nội dung từng đoạn của câu chuyện được kể. **c. HS kể chuyện**  -GV yêu cầu HS kể lại từng đoạn theo gợi ý của tranh và hướng dẫn của GV. Một số HS kể toàn bộ câu chuyện.GV cần tạo điều kiện cho HS được trao đổi nhóm để tìm ra câu trả lời phù hợp với nội dung từng đoạn của câu chuyện được kế. GV cũng có thể cho HS đóng vai kể lại từng đoạn hoặc toàn bộ câu chuyện và thi kế chuyện. Tuỷ vào khả năng của HS và điều kiện thời gian để tổ chức các hoạt động cho hấp dẫn và hiệu quả.  **6. Củng cố**  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.  - GV khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà: kế cho người thân trong gia đình hoặc bạn bè câu chuyện Búp bè và dễ mền. Ở tất cả các bài, truyện kế khỏng nhất thiết phải đấy đủ và chính xác các chi tiết như được học ở lớp. HS chỉ cần nhớ một số chi tiết cơ bản và kế lại. | -Hs lắng nghe  -Hs lắng nghe  -Hs trả lời  -Hs trả lời  -Hs trả lời  -Hs trả lời  -Hs trả lời  -HS kể  -HS lắng nghe |